

Số: 3679 /QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về lập và theo dõi, đánh giá thực hiện  
kế hoạch phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về lập và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”.

**Điều 2.** Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan có trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng và ban hành Khuôn mẫu kế hoạch, các tài liệu hướng dẫn lập và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch để áp dụng thống nhất trong toàn ngành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Lưu: VT, KH.



**QUY ĐỊNH**

**Về lập và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển  
Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3679/QĐ-BNN-KH  
ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định việc lập, theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm của ngành nông nghiệp và PTNT, các tiêu ngành/lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT (sau đây gọi chung là kế hoạch phát triển ngành).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các Tổng cục, Cục, Vụ, Ban thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT (sau đây gọi tắt là các đơn vị thuộc Bộ); các Sở Nông nghiệp và PTNT, các tổ chức, cá nhân liên quan đến lập và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ, khái niệm được hiểu như sau:

1. Ngành nông nghiệp và PTNT được hiểu bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và PTNT.

2. Tiêu ngành/lĩnh vực được hiểu là một phân ngành hoặc lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT, được Bộ giao cho một đơn vị trực thuộc Bộ quản lý.

3. Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và PTNT là công cụ để cơ quan quản lý ngành nông nghiệp và PTNT các cấp định hướng phát triển và quản lý điều hành ngành nông nghiệp và PTNT.

4. Lập kế hoạch phát triển ngành là việc xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển ngành nông nghiệp và PTNT, xác định nguồn lực thực hiện và những giải pháp chủ yếu nhằm đạt được mục tiêu.

5. Quản lý dựa trên kết quả là phương pháp quản lý hiện đại, tập trung vào việc đạt được kết quả, mục tiêu tương xứng với nguồn lực, trong một khung thời gian nhất định được đề ra trong kế hoạch; có hệ thống theo dõi đánh giá thực hiện kế hoạch và sử dụng hệ thống thông tin kết quả này để cải thiện quá trình ra quyết định và hoạch định chính sách.





6. Theo dõi thực hiện kế hoạch phát triển ngành là quá trình thu thập liên tục các thông tin về tình hình và tiến độ thực hiện kế hoạch, sử dụng thông tin đó để cải thiện hiệu suất các can thiệp trong kế hoạch.

7. Đánh giá kế hoạch phát triển ngành là quá trình tổng hợp, phân tích một cách có hệ thống thông tin thu thập được trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển ngành.

8. Chỉ số là công cụ để đo lường các kết quả đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển ngành.

9. Chỉ tiêu là lượng hóa của chỉ số thể hiện các mục tiêu cụ thể cần đạt được trong kỳ kế hoạch phát triển ngành.

10. Cơ quan kế hoạch ngành là các vụ, phòng được giao chủ trì lập và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành ở Bộ và địa phương.

#### **Điều 4. Căn cứ lập kế hoạch phát triển ngành**

1. Căn cứ lập kế hoạch phát triển ngành cả nước:

a. Các chủ trương chính sách của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội nói chung và nông nghiệp, nông thôn nói riêng;

b. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ ngành khác về lập kế hoạch;

c. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; Chiến lược, quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và PTNT và các ngành liên quan; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm;

d. Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành kỳ trước;

đ. Dự báo tác động của tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực đến sự phát triển của đất nước, của ngành;

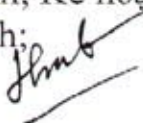
e. Khả năng huy động các nguồn lực cho kỳ kế hoạch.

2. Căn cứ lập kế hoạch phát triển ngành của tỉnh:

a. Các chủ trương chính sách của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nói chung và nông nghiệp, nông thôn tỉnh nói riêng;

b. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Bộ ngành khác về lập kế hoạch; Hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở khác về lập kế hoạch;

c. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của tỉnh; Chiến lược, quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và PTNT và các ngành liên quan của cả nước và của tỉnh; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của cả nước và của tỉnh;





d. Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành của tỉnh kỳ trước;

đ. Dự báo tác động của tình hình chính trị, kinh tế thế giới và trong nước đến sự phát triển của tỉnh nói chung và ngành nông nghiệp, nông thôn tỉnh nói riêng;

e. Khả năng huy động các nguồn lực cho kỳ kế hoạch.

#### **Điều 5. Các nguyên tắc lập kế hoạch phát triển ngành**

1. Kế hoạch phát triển ngành phải phù hợp với Chiến lược, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và địa phương; các chiến lược và quy hoạch phát triển ngành của cả nước và của tỉnh.

2. Đảm bảo tính khoa học, khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế của ngành và địa phương.

3. Đảm bảo tính khả thi trên cơ sở nguồn lực có khả năng huy động được.

4. Kế hoạch phát triển ngành phải được lập và tổng hợp trên cơ sở tham vấn các bên và các cấp liên quan.

#### **Điều 6. Các nguyên tắc theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành.**

1. Việc theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành phải theo phương pháp quản lý dựa trên kết quả, trên cơ sở bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch được xây dựng có tính khoa học và thực tiễn.

2. Việc theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành phải được thực hiện một cách liên tục và có hệ thống.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch, đảm bảo sự kết nối hệ thống thông tin, số liệu giữa các ngành/lĩnh vực, các cấp.

4. Việc đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành phải trên cơ sở thông tin thu thập được trong quá trình theo dõi thực hiện kế hoạch của các cơ quan kế hoạch, thống kê nông nghiệp và các ngành, các cấp liên quan.

5. Theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, kịp thời.

### **Chương II**

### **PHÂN CÔNG LẬP, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH**

#### **Điều 7. Trách nhiệm lập và quản lý kế hoạch phát triển ngành**

1. Kế hoạch phát triển ngành trên phạm vi cả nước do Bộ Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm lập, chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi và đánh giá thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

*Handwritten signature*



2. Kế hoạch phát triển ngành cấp Tỉnh/TP trực thuộc Trung ương do Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm lập theo chỉ đạo của UBND Tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

## **Điều 8. Trách nhiệm các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT**

### **1. Vụ Kế hoạch**

a. Hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch phát triển ngành;

b. Tổng hợp, xây dựng và trình Bộ kế hoạch phát triển ngành cả nước;

c. Hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ phân bổ và tổng hợp trình Bộ phương án phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển trung hạn và hàng năm được Chính phủ giao;

d. Hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch và tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch; tổng hợp báo cáo Bộ tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành cả nước;

đ. Giám sát việc thực hiện quy định về lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành;

e. Nghiên cứu và ban hành các tài liệu hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT về nội dung, phương pháp lập, theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch ngành.

f. Chủ trì tổ chức hoặc hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT mở các khóa đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về lập, theo dõi đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành cho đội ngũ cán bộ kế hoạch ngành.

### **2. Vụ Tài chính**

a. Hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (lĩnh vực chi thường xuyên) và tổng hợp, báo cáo Bộ;

b. Hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ phân bổ và tổng hợp trình Bộ phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (lĩnh vực chi thường xuyên) trung hạn và hàng năm được Chính phủ giao;

c. Hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ đánh giá thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (lĩnh vực chi thường xuyên); tổng hợp báo cáo Bộ tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách (lĩnh vực chi thường xuyên);

d. Giám sát việc thực hiện quy định về lập và đánh giá thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (lĩnh vực chi thường xuyên);

đ. Chủ trì tổ chức hoặc hướng dẫn cho các đơn vị thuộc Bộ mở các khóa đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về lập, theo dõi đánh giá thực



hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (lĩnh vực chi thường xuyên) cho đội ngũ cán bộ kế hoạch – tài chính của Bộ.

### **3. Các đơn vị khác.**

a. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, các Sở Nông nghiệp và PTNT (hoặc các chi cục, trung tâm) xây dựng kế hoạch tiểu ngành/lĩnh vực phụ trách, bao gồm kế hoạch các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương;

b. Tổng hợp, xây dựng kế hoạch thuộc tiểu ngành/lĩnh vực phụ trách;

c. Tổng hợp, xây dựng và trình Bộ phương án phân bổ, điều chỉnh các nguồn vốn được phân cấp quản lý để thực hiện kế hoạch;

d. Tổ chức, chỉ đạo, thực hiện kế hoạch tiểu ngành/lĩnh vực;

đ. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch và tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch; tổng hợp báo cáo Bộ tình hình thực hiện kế hoạch tiểu ngành/lĩnh vực;

e. Giám sát việc thực hiện quy định về lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch tiểu ngành/lĩnh vực đối với các đơn vị thuộc quyền quản lý.

f. Phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về lập, theo dõi đánh giá thực hiện kế hoạch cho đội ngũ cán bộ kế hoạch – tài chính trực thuộc.

### **Điều 9. Trách nhiệm các Sở Nông nghiệp và PTNT**

1. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện/thị xã/TP trực thuộc tỉnh xây dựng kế hoạch phát triển ngành; đảm bảo cho kế hoạch phát triển ngành của tỉnh/TP trực thuộc Trung ương phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành của cả nước và quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Lập kế hoạch phát triển ngành theo yêu cầu của tỉnh/TP trực thuộc Trung ương, đồng thời lập kế hoạch các nội dung quy định tại Điều 12 Quy định này theo yêu cầu của Bộ.

3. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển ngành của tỉnh/TP trực thuộc Trung ương.

4. Hướng dẫn các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện/thị xã/TP trực thuộc tỉnh xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá và tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành của tỉnh; Tổng hợp báo cáo Bộ và UBND tỉnh/TP trực thuộc Trung ương về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành tại địa phương.

5. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định về lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành đối với các đơn vị trực thuộc.

6. Xây dựng và triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác kế hoạch – tài chính do Sở quản lý.



### Chương III

## NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH

**Điều 10. Nội dung kế hoạch phát triển ngành dài hạn và 5 năm của cả nước**

1. Kế hoạch phát triển ngành dài hạn và 5 năm của cả nước gồm những nội dung chính sau đây:

- a. Đánh giá bối cảnh triển khai kế hoạch phát triển ngành kỳ trước;
- b. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành kỳ trước;
- c. Dự báo tình hình thế giới và trong nước tác động đến kế hoạch phát triển ngành kỳ tới;
- d. Xác định mục tiêu, định hướng phát triển ngành trong kế hoạch kỳ tới và hệ thống chỉ tiêu kế hoạch;
- d. Xác định các chương trình lớn, trọng tâm; các giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển ngành đặt ra;
- e. Đề xuất danh mục dự án và kế hoạch vốn phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác;
- f. Tổ chức thực hiện và theo dõi giám sát thực hiện kế hoạch

**Điều 11. Nội dung kế hoạch phát triển ngành hàng năm của cả nước**

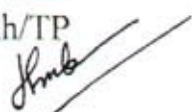
1. Đánh giá bối cảnh triển khai kế hoạch ngành năm trước;
2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành năm trước;
3. Dự báo tình hình thế giới và trong nước tác động đến kế hoạch phát triển ngành năm tới;
4. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch ngành năm tới;

5. Xác định và lập kế hoạch triển khai các hoạt động, các giải pháp cụ thể để thực hiện các chương trình lớn trọng tâm, các giải pháp chủ yếu đã xác định trong kế hoạch 5 năm nhằm đạt các mục tiêu đã đề ra;

6. Xây dựng kế hoạch vốn đầu tư phát triển và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (lĩnh vực chi thường xuyên) cho các hoạt động của Bộ; tổng hợp và đề xuất kế hoạch vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp cho các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương của ngành (gồm cho cả Bộ và địa phương).

**Điều 12. Nội dung kế hoạch phát triển ngành ở cấp tỉnh/TP trực thuộc Trung ương**

1. Nội dung kế hoạch phát triển ngành dài hạn, 5 năm và hàng năm ở cấp tỉnh/TP trực thuộc Trung ương tương tự như kế hoạch phát triển ngành dài hạn, 5 năm và hàng năm của cả nước. Ngoài ra, theo yêu cầu của UBND tỉnh/TP





trực thuộc Trung ương, kế hoạch phát triển ngành của mỗi địa phương có những nội dung đặc thù.

2. Một số nội dung sau đây yêu cầu các Sở Nông nghiệp và PTNT lập kế hoạch và gửi về Bộ để tổng hợp vào kế hoạch chung của ngành:

a. Kế hoạch các chương trình mục tiêu quốc gia được Chính phủ giao Bộ chủ trì thực hiện toàn bộ hoặc từng phần có nội dung liên quan đến địa phương;

b. Kế hoạch các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư do Bộ quản lý;

c. Kế hoạch các chương trình hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương và các chương trình, dự án lớn khác đầu tư trực tiếp cho địa phương (không qua Bộ) nhưng Bộ được Chính phủ giao tổng hợp xây dựng kế hoạch;

d. Kế hoạch các hoạt động khác nhằm thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp nông thôn được hướng dẫn thực hiện cho từng thời kỳ hoặc từng năm.

#### **Chương IV** **TRÌNH TỰ LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH**

##### **Điều 13. Hướng dẫn lập kế hoạch phát triển ngành**

###### **1. Hướng dẫn lập kế hoạch phát triển ngành dài hạn và 5 năm**

a. Trong vòng 5 ngày làm việc sau khi nhận được Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội dài hạn (hoặc 5 năm), Vụ Kế hoạch dự thảo và trình Bộ trưởng ký ban hành xong văn bản hướng dẫn của Bộ về xây dựng kế hoạch ngành dài hạn (hoặc 5 năm).

b. Các đơn vị thuộc Bộ có nhu cầu hướng dẫn bổ sung cho các đơn vị trực thuộc, chậm nhất trong vòng 5 ngày làm việc sau khi nhận được Chỉ thị của Bộ trưởng, ban hành xong văn bản hướng dẫn.

c. Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản hướng dẫn lập kế hoạch dài hạn (hoặc 5 năm) đối với các đơn vị trực thuộc, các phòng Nông nghiệp và PTNT huyện/thị xã/TP trực thuộc tỉnh kịp thời hạn UBND tỉnh/TP trực thuộc Trung ương yêu cầu. Đối với nội dung kế hoạch theo yêu cầu của Bộ, nếu có nhu cầu hướng dẫn bổ sung, chậm nhất trong vòng 5 ngày làm việc sau khi nhận được Chỉ thị của Bộ trưởng phải ban hành xong văn bản hướng dẫn.

###### **2. Hướng dẫn lập kế hoạch phát triển ngành hàng năm**

a. Trong vòng 5 ngày làm việc sau khi nhận được Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, văn bản hướng dẫn và số kiểm tra về dự toán ngân sách của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của Ngành, của Bộ, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính trình Bộ ban hành hướng dẫn lập kế hoạch và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc.



b. Các đơn vị thuộc Bộ nếu có nhu cầu hướng dẫn bổ sung nội dung chuyên ngành cho các đơn vị liên quan, trong vòng 5 ngày làm việc sau khi nhận được hướng dẫn của Bộ, phải ban hành xong công văn hướng dẫn.

c. Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản hướng dẫn lập kế hoạch năm đối với các đơn vị trực thuộc, các phòng Nông nghiệp và PTNT huyện/thị xã/TP trực thuộc tỉnh kịp thời hạn UBND tỉnh/TP trực thuộc Trung ương yêu cầu. Đối với nội dung kế hoạch theo yêu cầu của Bộ, nếu có nhu cầu hướng dẫn bổ sung, trong vòng 5 ngày làm việc sau khi nhận được hướng dẫn của Bộ, phải ban hành xong công văn hướng dẫn.

d. Việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch ngành ở tất cả các cấp phải hoàn thành trước 30 tháng 6 năm trước năm kế hoạch

#### **Điều 14. Lập kế hoạch phát triển ngành**

##### **1. Lập kế hoạch phát triển ngành dài hạn và 5 năm**

a. Các đơn vị thuộc Bộ, ngay sau khi có Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về xây dựng kế hoạch dài hạn (hoặc kế hoạch 5 năm), tổ chức lập kế hoạch tiểu ngành/lĩnh vực phụ trách gửi về Vụ Kế hoạch theo thời hạn yêu cầu trong Chỉ thị của Bộ trưởng.

b. Các Sở Nông nghiệp và PTNT, ngay sau khi nhận được Chỉ thị của Bộ trưởng, của Chủ tịch UBND tỉnh và hướng dẫn của các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính về lập kế hoạch dài hạn (hoặc 5 năm), tổ chức lập kế hoạch, gửi UBND tỉnh và các Sở liên quan theo thời hạn UBND tỉnh quy định. Phần nội dung kế hoạch theo yêu cầu của Bộ, Sở lập và gửi về Bộ theo thời hạn Bộ yêu cầu.

c. Vụ Kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp và lập kế hoạch phát triển ngành dài hạn (hoặc 5 năm), tổ chức tham vấn và trình Bộ trưởng ký, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo thời gian yêu cầu trong Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

##### **2. Lập kế hoạch phát triển ngành hàng năm**

###### **a. Chuẩn bị và khởi thảo kế hoạch**

Đầu tháng 6 hàng năm, các đơn vị thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/TP trực thuộc Trung ương tiến hành tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm để làm cơ sở cho việc sơ kết 6 tháng, điều chỉnh kế hoạch năm hiện tại và khởi thảo kế hoạch năm tới. Việc nghiên cứu, khởi thảo kế hoạch năm tới được chủ động tiến hành song song với quá trình chuẩn bị sơ kết 6 tháng.

###### **b. Xây dựng kế hoạch chính thức**

- Các đơn vị thuộc Bộ, ngay sau khi nhận được Chỉ thị của Bộ trưởng, hướng dẫn của các Bộ liên quan về lập kế hoạch năm tới, tiến hành cập nhật bản

*Amela*



kế hoạch đã chủ động khởi thảo, tổ chức tham vấn để hoàn thiện và trình thủ trưởng đơn vị ký gửi về Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính trước ngày 15 tháng 7.

- Các Sở Nông nghiệp và PTNT, ngay sau khi nhận được Chỉ thị của Bộ trưởng, Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh, hướng dẫn của các Sở liên quan về lập kế hoạch năm tới, tiến hành cập nhật bản kế hoạch đã chủ động khởi thảo, tổ chức tham vấn để hoàn thiện, gửi UBND tỉnh và các Sở liên quan theo thời hạn UBND tỉnh quy định. Phần nội dung kế hoạch theo yêu cầu của Bộ phải hoàn thiện và gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch) trước ngày 15 tháng 7.

- Vụ Kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp và lập kế hoạch phát triển ngành; Vụ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (lĩnh vực chi thường xuyên) để trình Bộ thông qua, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan khác trước ngày 31 tháng 7.

### **Điều 15. Tham vấn Kế hoạch phát triển ngành**

1. Tham vấn kế hoạch phát triển ngành là yêu cầu bắt buộc trong quy trình lập kế hoạch, nhằm huy động sự tham gia của đông đảo người dân và cộng đồng, đảm bảo cho kế hoạch có tính khả thi.

2. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc tổ chức tham vấn

a. Vụ Kế hoạch chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tham vấn và tổ chức tham vấn kế hoạch ngành cả nước;

b. Các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tham vấn và tổ chức tham vấn kế hoạch của tiểu ngành/lĩnh vực được phân công phụ trách.

c. Các Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tham vấn và tổ chức tham vấn kế hoạch ngành của địa phương.

3. Đối tượng mời tham vấn

a. Đối với bản Kế hoạch phát triển ngành dài hạn hoặc 5 năm, nội dung kế hoạch bao trùm tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, trong đó nhiều vấn đề có tính chiến lược, dài hạn, vì vậy đối tượng tham vấn cần rộng rãi và bao gồm (nhưng không giới hạn): đại diện các tỉnh/TP trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp, các nhà khoa học, các tổ chức Hiệp hội, ngành hàng, các tổ chức quốc tế và nhà tài trợ...

b. Đối với kế hoạch phát triển ngành hàng năm, tập trung tham vấn các đối tượng liên quan nhiều đến các chương trình, dự án, các hoạt động trọng tâm triển khai trong năm kế hoạch.

4. Hình thức tham vấn:

a. Tổ chức hội nghị, hội thảo;

b. Gửi dự thảo kế hoạch lấy ý kiến qua đường công văn;

c. Lấy ý kiến rộng rãi của người dân và cộng đồng bằng cách cung cấp dự thảo kế hoạch trên Website của Bộ hoặc Website của cơ quan chủ trì lập và tham vấn kế hoạch.



**Điều 16. Bảo vệ kế hoạch phát triển ngành, hoàn thiện dự toán NSNN của Bộ và kế hoạch vốn đầu tư công**

1. Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ bảo vệ Kế hoạch phát triển ngành với các Vụ chức năng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; chuẩn bị tài liệu cho lãnh đạo Bộ làm việc với lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, báo cáo Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Ban Kinh tế Trung ương và các cơ quan khác theo yêu cầu.

2. Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ bảo vệ Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (lĩnh vực chi thường xuyên) với các Vụ chức năng của Bộ Tài chính; chuẩn bị tài liệu cho lãnh đạo Bộ làm việc với lãnh đạo Bộ Tài chính, báo cáo Ủy ban Tài chính Ngân sách của Quốc hội và các cơ quan khác theo yêu cầu.

3. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ làm việc với các Vụ chức năng của các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông về kế hoạch khoa học, môi trường, thông tin; chuẩn bị tài liệu cho lãnh đạo Bộ làm việc với lãnh đạo các Bộ trên và các cơ quan khác theo yêu cầu.

4. Các cơ quan, đơn vị chủ trì các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ chủ động làm việc, bảo vệ kế hoạch với các Bộ/ngành liên quan.

5. Các cơ quan đơn vị khác thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các Vụ Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường, các cơ quan chủ trì chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư có mục tiêu từ ngân sách Trung ương để bảo vệ kế hoạch.

6. Các Sở Nông nghiệp và PTNT khi được yêu cầu, có trách nhiệm phối hợp cùng các đơn vị thuộc Bộ để tham gia bảo vệ kế hoạch có liên quan đến địa phương.

7. Trong tháng 9, sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính, Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Tổng cục, Cục, Vụ liên quan chỉnh sửa lần cuối dự toán NSNN của Bộ, báo cáo Bộ trưởng thông qua gửi Bộ Tài chính. Riêng dự kiến kế hoạch đầu tư công, sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện trình Bộ thông qua để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 9 theo như quy định trong Luật Đầu tư công.

**Điều 17. Phân bổ và giao kế hoạch ngân sách hàng năm do Bộ quản lý**

1. Phân bổ và giao kế hoạch ngân sách hàng năm do Bộ quản lý

a. Sau khi Thủ tướng Chính phủ có Quyết định phân bổ ngân sách năm kế hoạch cho các Bộ/ngành và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính có thông báo hướng dẫn sử dụng ngân sách năm kế hoạch cho Bộ Nông



ng nghiệp và PTNT. Vụ Kế hoạch thông báo kế hoạch chi đầu tư phát triển cho chủ đầu tư, Vụ Tài chính phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (lĩnh vực chi thường xuyên) cho các đơn vị dự toán trực thuộc.

b. Việc giao kế hoạch ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải hoàn thành trước 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch.

2. Nhập kế hoạch ngân sách nhà nước trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS), hệ thống quản lý các dự án đầu tư (MIC) và theo dõi thông báo kế hoạch.

a. Vụ Kế hoạch chủ trì nhập kế hoạch chi đầu tư phát triển vào hệ thống MIC và theo dõi hỗ trợ các chủ đầu tư, các địa phương, đơn vị trong trường hợp có các vướng mắc phát sinh.

b. Vụ Tài chính chủ trì và phối hợp với các đơn vị dự toán cấp II, III nhập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (lĩnh vực chi thường xuyên), Vụ Kế hoạch nhập kế hoạch vốn đầu tư phát triển trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc TABMIS và theo dõi hỗ trợ các chủ đầu tư, các địa phương, đơn vị trong trường hợp có vướng mắc phát sinh.

#### **Điều 18. Hoàn thiện kế hoạch phát triển ngành hàng năm**

1. Tháng 12 hàng năm, căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch cả năm hiện tại, kế hoạch ngân sách năm tới được giao, các đơn vị thuộc Bộ chuẩn bị báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch năm hiện tại và hoàn thiện lại bản kế hoạch năm tới gửi các Vụ tổng hợp trước ngày 20 tháng 12.

2. Các Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch cả năm hiện tại, kế hoạch ngân sách năm tới được giao, chuẩn bị báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch năm hiện tại và hoàn thiện lại bản kế hoạch năm tới báo cáo UBND tỉnh theo quy định của tỉnh. Phần nội dung kế hoạch theo yêu cầu của Bộ, hoàn thiện và gửi về Bộ trước ngày 20 tháng 12.

#### **Điều 19. Phê duyệt kế hoạch phát triển ngành**

1. Thẩm quyền phê duyệt:

a. Kế hoạch ngành nông nghiệp và PTNT cả nước do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt. Trường hợp kế hoạch ngành có nội dung liên quan đến các địa phương, các Bộ khác thì Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b. Kế hoạch tiểu ngành/lĩnh vực do Thủ trưởng đơn vị phụ trách tiểu ngành/lĩnh vực phê duyệt. Trường hợp kế hoạch tiểu ngành/lĩnh vực có nội dung liên quan đến các địa phương, đơn vị khác thì đơn vị trình Bộ phê duyệt.

c. Kế hoạch ngành nông nghiệp và PTNT của tỉnh/TP trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT trình Chủ tịch UBND tỉnh/TP trực thuộc Trung ương phê duyệt hoặc phê duyệt theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh/TP trực thuộc trung ương.





2. Cơ quan kế hoạch có trách nhiệm hoàn thiện, làm các thủ tục trình duyệt kế hoạch theo quy định.

3. Hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch bao gồm:

- a. Tờ trình cấp có thẩm quyền đề nghị phê duyệt kế hoạch;
- b. Dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch;
- c. Kế hoạch đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo góp ý của các bên liên quan;
- d. Các tài liệu, phụ lục kèm theo

## **Điều 20. Công khai và thông tin về kế hoạch phát triển ngành**

1. Kế hoạch các tiểu ngành/lĩnh vực sau khi được phê duyệt gửi về Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị liên quan khác, đồng thời đưa lên Website của đơn vị để thông tin rộng rãi.

2. Kế hoạch ngành sau khi được phê duyệt, Vụ Kế hoạch có trách nhiệm gửi Văn phòng Chính phủ, các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, lãnh đạo Bộ và các đơn vị thuộc Bộ đồng thời đưa lên Website Bộ và Website Vụ Kế hoạch.

3. Kế hoạch ngành của tỉnh/TP trực thuộc Trung ương sau khi được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm gửi UBND tỉnh, Bộ nông nghiệp và PTNT (Vụ Kế hoạch), Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở liên quan, đồng thời đưa lên Website của Sở.

4. Trường hợp nội dung kế hoạch có các thông tin mật, việc gửi tài liệu và đưa tin phải đảm bảo quy định về bảo mật.

## **Chương V**

## **TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH**

### **Điều 21. Triển khai thực hiện kế hoạch phát triển ngành**

1. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận Nghị quyết của Quốc hội, của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, 5 năm và hàng năm, Vụ Kế hoạch phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ hoàn thành việc xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành Chương trình hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ.

2. Căn cứ Chương trình hành động của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm đề ra những biện pháp, giải pháp cần thiết và chỉ đạo thực hiện những nội dung kế hoạch ngành được phân công nhằm bảo đảm hoàn thành tốt mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển ngành đã đề ra.

### **Điều 22. Điều chỉnh kế hoạch phát triển ngành**

1. Các trường hợp phải điều chỉnh kế hoạch





a. Có những chủ trương mới, làm thay đổi một hoặc một số mục tiêu của kế hoạch đang thực hiện;

b. Có những chính sách hoặc những yếu tố tác động làm thay đổi tiến độ và kết quả thực hiện so với dự kiến kế hoạch ban đầu

## 2. Thời gian điều chỉnh kế hoạch

a. Đối với kế hoạch phát triển ngành dài hạn và 5 năm, việc điều chỉnh kế hoạch (nếu xét thấy cần thiết) được tiến hành đồng thời khi thực hiện đánh giá giữa kỳ.

b. Đối với kế hoạch phát triển ngành hàng năm, việc điều chỉnh kế hoạch (nếu xét thấy cần thiết) được tiến hành đồng thời khi sơ kết 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm.

c. Đối với kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm, được điều chỉnh nhiều lần trong năm (khi xuất hiện yêu cầu), nhưng phải trước ngày 20 tháng 12 hoặc theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

## 3. Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch

Khi xuất hiện nhu cầu điều chỉnh kế hoạch, cơ quan kế hoạch cần lập Tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đề xin ý kiến. Sau khi có ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền, cơ quan kế hoạch tiến hành rà soát, lập dự thảo điều chỉnh kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến trước khi trình phê duyệt kế hoạch điều chỉnh.

# **Chương VI** **THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN** **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH**

## **Điều 23. Xây dựng khung theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành**

1. Khung theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch là một phần của bản kế hoạch dài hạn và 5 năm, là cơ sở triển khai việc theo dõi đánh giá thực hiện kế hoạch.

2. Khung theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành thể hiện các nội dung chính như sau:

a. Mục tiêu tổng quát, các mục tiêu cụ thể của kế hoạch; các chương trình chủ yếu nhằm thực hiện các mục tiêu đặt ra;

b. Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chương trình trong kế hoạch;

c. Chỉ tiêu cụ thể cần đạt được (theo từng chỉ số) cho kỳ kế hoạch

d. Nguồn thông tin phục vụ cho việc theo dõi, đánh giá kế hoạch phát triển ngành;

đ. Tần suất báo cáo;

e. Cơ quan, đơn vị chủ trì báo cáo



**Điều 24. Xây dựng hệ thống thông tin theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch ngành**

Trên cơ sở Khung theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch được phê duyệt cùng với bản kế hoạch, các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT tiến hành:

1. Xây dựng phần mềm chuyên dụng phục vụ cho việc báo cáo, xử lý và lưu trữ thông tin phục vụ theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch;
2. Thiết lập hệ thống thông tin viên nhằm thu thập và báo cáo các thông tin cần thiết;
3. Xây dựng quy chế hoạt động, vận hành hệ thống nhằm cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin đáp ứng yêu cầu theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch của Bộ, của đơn vị và địa phương.

**Điều 25. Xây dựng và tiến hành các cuộc điều tra thống kê**

1. Các thông tin cần thiết cho việc theo dõi đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành nhưng không thể thu thập được từ nguồn thống kê hoặc báo cáo hành chính, các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT gửi yêu cầu về Vụ Kế hoạch để tổng hợp trình Bộ đưa vào chương trình điều tra thống kê của Bộ. Các chỉ số không thể đưa vào chương trình điều tra thống kê của Bộ do các yếu tố kỹ thuật hoặc tài chính, Vụ Kế hoạch có trách nhiệm thông tin cho các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT biết để tìm chỉ số thay thế hoặc loại bỏ.
2. Vụ Kế hoạch phối hợp với Vụ Tài chính bố trí đủ nguồn kinh phí cho các cuộc điều tra thống kê của Bộ; chỉ đạo các đơn vị được phân công quản lý và Trung tâm Tin học và Thống kê tiến hành thực hiện các cuộc điều tra thống kê định kỳ theo kế hoạch để đáp ứng yêu cầu thông tin cho việc theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch.

**Điều 26. Các thông tin phục vụ cho việc theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành**

Các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm báo cáo và cung cấp các thông tin sau về Vụ Kế hoạch phục vụ cho việc theo dõi đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành cả nước:

1. Kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm của tiểu ngành/lĩnh vực, địa phương được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2. Báo cáo tháng, quý, 6 tháng và cả năm tình hình thực hiện kế hoạch hàng năm của tiểu ngành/lĩnh vực; báo cáo 6 tháng và cả năm hình thực hiện kế hoạch hàng năm của địa phương.
3. Báo cáo giữa kỳ và cuối kỳ tình hình thực hiện kế hoạch dài hạn và 5 năm của tiểu ngành/lĩnh vực, địa phương.





4. Các chỉ số hoặc thông tin, số liệu phục vụ cho việc tính toán các chỉ số theo phân công tại Khung theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch ngành do Bộ ban hành.

5. Các thông tin khác theo yêu cầu của Chính phủ, của Bộ để phục vụ cho việc theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành.

**Điều 27. Chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành**

1. Định kỳ báo cáo:

a. Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành hàng năm được báo cáo định kỳ theo tháng, quý, 6 tháng và cả năm đối với các đơn vị thuộc Bộ; định kỳ 6 tháng, cả năm đối với các Sở Nông nghiệp PTNT.

b. Tình hình thực hiện Kế hoạch ngành dài hạn và 5 năm được báo cáo vào giữa kỳ và khi kết thúc kế hoạch

2. Thời gian báo cáo:

a. Kế hoạch năm:

- Báo cáo tháng gửi trước ngày 20 hàng tháng;
- Báo cáo quý gửi trước ngày 20 tháng cuối quý;
- Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 23 tháng 6;
- Báo cáo năm gửi trước ngày 23 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo đánh giá bổ sung tình hình thực hiện kế hoạch năm trước của các tiểu ngành/lĩnh vực và địa phương gửi trước ngày 28 tháng 2 năm kế hoạch.

b. Kế hoạch dài hạn và 5 năm:

Thời gian gửi báo cáo giữa kỳ và báo cáo kết thúc tình hình thực hiện kế hoạch dài hạn và 5 năm theo hướng dẫn cụ thể của Vụ Kế hoạch.

c. Các thông tin khác:

- Các thông tin quy định tại khoản 1, Điều 26 Quy định này gửi về Vụ Kế hoạch trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Các thông tin khác theo yêu cầu của Bộ trưởng và hướng dẫn của Vụ Kế hoạch.

3. Phương thức cung cấp thông tin:

- a. Báo cáo trực tuyến qua phần mềm;
- b. Thư điện tử;
- c. Fax;
- d. Công văn





## **Điều 28. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác lập và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển ngành, đem lại hiệu quả cao cho ngành/tiểu ngành/lĩnh vực, địa phương được khen thưởng theo quy định của pháp luật thi đua khen thưởng.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lập, theo dõi, đánh giá và điều hành kế hoạch phát triển ngành, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.

**BỘ TRƯỞNG**  
  
*Phát*  
**Cao Đức Phát**